



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn tài chính Quý II năm 2019	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019	4
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn tài chính Quý II năm 2019	5 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.275.104.011.492	2.838.178.581.233
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	24.161.154.683	554.583.694.702
1. Tiền	111		24.161.154.683	150.315.932.148
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	404.267.762.554
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.844.020.513.656	1.031.717.076.261
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	499.273.914.060	473.985.297.652
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	199.387.502.726	31.338.601.889
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	973.000.000	893.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.144.386.096.870	525.500.176.720
IV. Hàng tồn kho	140		1.328.694.106.717	1.198.749.711.628
1. Hàng tồn kho	141	10	1.328.694.106.717	1.198.749.711.628
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78.228.236.436	53.128.098.642
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	45.279.781.525	15.825.899.157
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.948.454.911	37.302.199.485
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.743.841.179.488	1.831.312.705.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		418.290.067.030	444.067.630.543
6. Phải thu dài hạn khác	216	9	418.290.067.030	444.067.630.543
II. Tài sản cố định	220		6.336.537.227	5.894.359.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.687.299.279	5.894.359.839
<i>Nguyên giá</i>	222		9.426.224.646	9.062.224.646
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.738.925.367)	(3.167.864.807)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	649.237.948	-
<i>Nguyên giá</i>	228		940.824.530	220.702.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(291.586.582)	(220.702.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		186.014.778.259	65.942.535.559
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	185.775.200.986	65.564.008.286
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		239.577.273	378.527.273
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	1.087.527.440.000	1.249.224.538.450
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.087.527.440.000	1.249.224.538.450
VI. Tài sản dài hạn khác	260		45.672.356.972	66.183.641.309
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	14.351.515.153	27.380.052.315
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		31.320.841.819	38.803.588.994
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.018.945.190.980	4.669.491.286.933

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.243.264.633.863	2.069.938.120.965
I. Nợ ngắn hạn	310		1.996.038.990.495	1.373.504.867.900
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	16	120.563.991.283	52.655.343.588
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	231.633.854.771	222.214.216.687
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	154.370.835.888	176.244.435.313
4. Phải trả người lao động	314		6.796.429.162	6.804.927.642
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	758.308.452.828	228.883.321.258
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.753.473.984	5.706.030.479
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	660.325.055.639	659.627.784.667
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	15.848.028.000	848.028.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	43.438.868.940	20.520.780.266
II. Nợ dài hạn	330		247.225.643.368	696.433.253.065
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	17	-	844.725.470
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	-	475.868.815.767
7. Phải trả dài hạn khác	337	20	245.534.736.368	217.604.790.828
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	1.690.907.000	2.114.921.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.775.680.557.117	2.599.553.165.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	2.775.680.557.117	2.599.553.165.968
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.402.124.510.000	1.906.144.540.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.402.124.510.000	1.906.144.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(66.000.000)	(66.000.000)
5. Cổ phiếu quỹ	415		(625.400.000)	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.819.749.847	9.756.673.997
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		352.427.697.270	683.717.951.971
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước</i>	421a		135.903.857.987	-
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		216.523.839.283	683.717.951.971
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.018.945.190.980	4.669.491.286.933

Người lập biểu

BÙI ÁI HIỀN

Kế toán trưởng

VÕ ĐÌNH BAN

Đồng Nai, ngày 16 tháng 07 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý II năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	28.246.905.602	169.132.860.194	324.897.623.856	238.774.208.588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.653.227.896	114.991.442.919	2.979.869.010	130.107.092.565
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	26.593.677.706	54.141.417.275	321.917.754.846	108.667.116.023
4. Giá vốn hàng bán	11	25	21.129.983.969	9.525.088.281	143.056.618.250	40.740.959.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.463.693.737	44.616.328.994	178.861.136.596	67.926.156.256
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	161.548.121.229	88.320.934.522	163.759.922.612	88.614.741.760
7. Chi phí tài chính	22		338.199.846	81.124.383	412.493.203	165.847.573
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		338.199.846	81.124.383	412.493.203	165.847.573
8. Chi phí bán hàng	25	27	14.320.592.229	10.076.363.668	19.318.061.657	16.741.832.149
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	17.891.684.430	11.712.071.919	34.518.915.513	22.412.197.664
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		134.461.338.461	111.067.703.546	288.371.588.835	117.221.020.630
11. Thu nhập khác	31		935.441.389	1.126.809.243	1.750.827.874	2.081.975.470
12. Chi phí khác	32		19.685.595.540	120.000.000	19.876.487.967	409.269.135
13. Lợi nhuận khác	40		(18.750.154.151)	1.006.809.243	(18.125.660.093)	1.672.706.335
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		115.711.184.310	112.074.512.789	270.245.928.742	118.893.726.965
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	22.885.861.649	5.214.759.023	46.239.342.284	6.601.090.780
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(265.919.361)	(164.598.932)	7.482.747.175	(132.602.268)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		93.091.242.022	107.024.352.698	216.523.839.283	112.425.238.453
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	414	628	1.018	664
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	414	628	1.018	664

Người lập biểu



BÙI ÁI HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ ĐÌNH BAN

Đồng Nai, ngày 16 tháng 7 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHÁNH HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		270.245.928.742	118.893.726.965
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		608.933.772	537.499.394
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(163.759.922.612)	(88.614.741.760)
Chi phí lãi vay	06		412.493.203	165.847.573
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		107.507.433.105	30.982.332.172
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(694.566.512.982)	(30.234.659.964)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(129.930.247.353)	(2.617.863.066)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		140.317.870.656	451.257.365.620
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(16.406.481.572)	(27.434.164.647)
Tiền lãi vay đã trả	14		(412.493.203)	(165.847.573)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(76.389.340.073)	(55.431.954.529)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(17.478.359.460)	(4.728.237.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(687.358.130.882)	361.626.970.173
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(182.974.547.048)	(541.567.688)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(80.000.000)	(7.253.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	16.573.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(129.734.556.127)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		300.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.414.151.911	88.444.965.760
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		142.359.604.863	(32.511.158.055)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	(33.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		43.600.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(29.024.014.000)	(45.416.016.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.575.986.000	(45.449.016.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(530.422.540.019)	283.666.796.118
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		554.583.694.702	62.648.724.947
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		24.161.154.683	346.315.521.065

Người lập biểu

Bùi Ái Hiền

BÙI ÁI HIỀN

Kế toán trưởng

Võ Đình Ban

VÕ ĐÌNH BAN

Đồng Nai, ngày 06 tháng 07 năm 2019
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Khánh Hưng

NGUYỄN KHÁNH HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư LDG – tên cũ là Công ty Cổ phần Địa ốc Long Điền (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3602368420, đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký sửa đổi lần thứ mười bảy (17) ngày 28 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại Số 104/4, Ấp Hòa Bình, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư LDG tại Tầng 11, tòa nhà Techcombank Cần Thơ, số 45A-47 Đường 30/4, Phường An Lạc, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Văn phòng đại diện tại 194 Golden Building, Số 473 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3602368420 thay đổi lần thứ 17 ngày 28 tháng 05 năm 2019 là 2.402.124.510.000 đồng.

Chi tiết các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 như sau:

STT	Tên	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	150.000.000.000	99,95%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	180.000.000.000	99,99%	Kinh doanh bất động sản
3	Công ty CP Đầu tư Grand World	400.000.000.000	99,90%	Kinh doanh bất động sản
4	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Gia Lộc	80.000.000.000	90,00%	Kinh doanh bất động sản

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (“VND”).

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay bao gồm các khoản các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là đơn vị có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, chịu sự kiểm soát của một đơn vị khác (công ty mẹ). Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu*Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo,

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm

Hàng tồn kho**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, khi có những bằng chứng đáng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho, Công ty tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|---|-----------------|
| <input type="checkbox"/> Máy móc thiết bị | Năm 2019 |
| <input type="checkbox"/> Phương tiện vận tải truyền dẫn | 03 – 08 năm |
| <input type="checkbox"/> Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 – 08 năm |
| | 03 – 08 năm |

Tài sản cố định vô hình**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

-
- Phần mềm, website và tài sản vô hình khác

Năm 2019
02 – 03 năm**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

-
- Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.
-
-
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
-
-
- Chi phí hoa hồng môi giới được phân bổ khi doanh thu tương ứng với chi phí hoa hồng được ghi nhận.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

-
- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
-
-
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

-
- Bảo hiểm xã hội được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 8,0%.
-
-
- Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 0,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên 0%.
-
-
- Bảo hiểm y tế được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
-
-
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên mức lương chính hoặc tiền công theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1,0% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,0%.
-
-
- Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa mức lương chính hoặc tiền công của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Số dư nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Chi phí phải trả và dự phòng phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

Vốn chủ sở hữu*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Quỹ đầu tư và phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông dựa trên lợi nhuận sau thuế trước khi chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu, thu nhập khác*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu nhập do khách chuyển nhượng lại hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	462.626.639	627.483.627
Tiền gửi ngân hàng	23.698.528.044	149.688.448.521
Các khoản tương đương tiền	-	404.267.762.554
Tổng cộng	24.161.154.683	554.583.694.702

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>		
Công ty CP Bắc Phước Kiến	412.812.360.037	427.479.855.879
Khách hàng cá nhân mua đất nền dự án Viva Park	41.005.036.800	-
Khách hàng cá nhân mua đất nền dự án The Viva City	37.904.096.447	30.852.541.231
Khách hàng cá nhân mua dự án Viva Square	1.597.717.835	885.208.809
Phải thu của khách hàng bên liên quan	111.320.183	265.555.401
Khách hàng khác	5.843.382.758	14.502.136.332
Tổng cộng	499.273.914.060	473.985.297.652
<i>Phải thu ngắn hạn bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	43.826.465	174.794.255
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	67.493.718	90.761.146
Tổng cộng	111.320.183	265.555.401

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán bên liên quan	70.000.000.000	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Thảo Nguyên	80.000.000.000	-
Công ty CP Du lịch Giang Điền	39.017.747.380	24.017.747.380
Khác	10.369.755.346	7.320.854.509
Tổng cộng	199.387.502.726	31.338.601.889

Trả trước cho người bán ngắn hạn bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	70.000.000.000	-
-----------------------------------	----------------	---

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH Địa Ốc Đảo Ngọc	313.000.000	313.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand World	180.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Gia Lộc	480.000.000	400.000.000
Tổng cộng	973.000.000	893.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu khác bên liên quan	6.621.416.267	1.895.108.374
Tạm ứng	159.149.342.625	40.139.852.116
Các khoản đặt cọc ký cược ký quỹ ngắn hạn	768.285.150.000	443.270.150.000
Phải thu hợp tác đầu tư	190.866.645.000	-
Các khoản phải thu khác	19.463.542.978	40.195.066.230
Tổng cộng	1.144.386.096.870	525.500.176.720
Trong đó, phải thu khác bên liên quan bao gồm:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand World	19.742.464	10.816.437
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Gia Lộc	46.950.683	25.424.656
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	6.554.723.120	1.858.867.281
Tổng cộng	6.621.416.267	1.895.108.374
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc ký cược ký quỹ dài hạn	156.393.646.000	161.149.800.000
Phải thu vốn hợp tác đầu tư	261.896.421.030	282.917.830.543
Tổng cộng	418.290.067.030	444.067.630.543

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.015.309.384.786	885.395.549.697
- Dự án khu dân cư The Viva City	642.611.929.937	626.719.311.694
- Dự án Viva Park (Xã Đồi 61 - Đồng Nai)	246.100.218.771	144.103.879.298
- Dự án Viva Square	73.950.648.786	68.597.649.245
- Dự án Thành Đô	1.541.029.284	-
- Dự án Viva House	19.710.420.757	15.333.719.501
- Dự án Khu đô thị mới Bãi Bụt	754.147.292	-
- Dự án khác	30.640.989.959	30.640.989.959
Hàng hóa bất động sản	313.354.161.931	313.354.161.931
- 07 Căn hộ TMDV Phú Gia Hưng, Quận Gò Vấp, TP.HCM	27.712.609.090	27.712.609.090
- Khu dân cư Phú An, Trảng Bom, Đồng Nai	77.148.135.089	77.148.135.089
- Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái Thác Giang Điền-Khu C	171.304.809.752	171.304.809.752
- Khu dân cư Giang Điền	37.188.608.000	37.188.608.000
Hàng hóa khác	30.560.000	-
Tổng cộng	1.328.694.106.717	1.198.749.711.628

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	485.228.182	7.627.545.458	949.451.006	9.062.224.646
Mua trong kỳ	-	364.000.000	-	364.000.000
Số dư cuối kỳ	485.228.182	7.991.545.458	949.451.006	9.426.224.646
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	246.734.846	2.314.679.577	606.450.384	3.167.864.807
Khấu hao trong kỳ	33.011.370	450.983.130	87.066.060	571.060.560
Số dư đầu kỳ	279.746.216	2.765.662.707	693.516.444	3.738.925.367
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	238.493.336	5.312.865.881	343.000.622	5.894.359.839
Tại ngày 30/06/2019	205.481.966	5.225.882.751	255.934.562	5.687.299.279

Tại ngày 30/06/2019, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.303.528.278 đồng (31/12/2018: 1.263.082.728 đồng).

Tại ngày 30/06/2019, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem đi thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng là 4.729.120.258 đồng (31/12/2018: 5.159.678.386 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Website VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	105.000.000	115.702.000	220.702.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	138.950.000	138.950.000
Mua trong kỳ	-	581.172.530	581.172.530
Số dư cuối kỳ	105.000.000	835.824.530	940.824.530
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	105.000.000	115.702.000	220.702.000
Khấu hao trong kỳ	-	70.884.582	70.884.582
Số dư cuối kỳ	105.000.000	186.586.582	291.586.582
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-
Tại ngày 30/06/2019	-	649.237.948	649.237.948

Tại ngày 30/06/2019, nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 220.702.000 đồng (31/12/2018: 220.702.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Dự án Bình Nguyên - Bình Dương	120.135.042.700	-
Dự án Phước Tân - Đồng Nai	65.245.826.468	65.245.826.468
Dự án khác	394.331.818	318.181.818
Tổng cộng	185.775.200.986	65.564.008.286

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Đầu tư vào công ty con		
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand World	399.600.000.000	399.600.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Gia Lộc	280.002.940.000	280.002.940.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	258.000.000.000	258.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	149.924.500.000	149.924.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Suối Mơ	-	161.697.098.450
Tổng cộng	1.087.527.440.000	1.249.224.538.450

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí môi giới, hoa hồng các dự án	26.303.456.565	8.675.783.976
Chi phí chờ phân bổ các dự án	18.112.028.122	6.590.929.481
Chi phí trả trước ngắn hạn	738.615.977	383.353.679
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	125.680.861	175.832.021
Tổng cộng	45.279.781.525	15.825.899.157
Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí môi giới, hoa hồng các dự án	11.365.606.386	13.913.707.504
Chi phí chờ phân bổ dự án The Viva City	-	9.889.617.906
Chi phí trả trước khác	1.675.641.500	2.151.902.893
Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng	1.310.267.267	1.424.824.012
Tổng cộng	14.351.515.153	27.380.052.315

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ Phần Thương Mại & Xây Dựng Phúc Thuận Phát	37.338.836.936	10.133.911.573
Công ty CP DV và ĐT Đất Xanh Đông Nam Bộ	-	7.520.576.000
Công ty TNHH Vân Nga Phát	-	6.451.107.618
Công ty CP Đầu tư Và Dịch vụ Đất Xanh Miền Nam	40.166.335.153	1.206.025.080
Phải trả khách hàng các bên liên quan	5.550.666.665	5.550.666.665
Khác	37.508.152.529	21.793.056.652
Tổng cộng	120.563.991.283	52.655.343.588

Trong đó phải trả người bán bên liên quan bao gồm:

Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh	5.550.666.665	5.550.666.665
------------------------------	---------------	---------------

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Khách hàng trả tiền trước để mua đất nền của dự án The Viva City theo tiến độ hợp đồng	100.478.110.767	106.782.861.303
Khách hàng trả tiền trước để mua trung tâm thương mại của dự án Viva Square theo tiến độ hợp đồng	43.721.540.346	80.162.416.480
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Viva Park theo tiến độ hợp đồng	69.534.194.565	17.873.753.345
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Phú An theo tiến độ hợp đồng	9.700.070.861	3.234.878.167
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái Thác Giang Điền - Khu C, quy mô 37ha theo tiến độ hợp đồng	1.825.823.987	-
Khách hàng trả trước tiền mua đất nền của dự án Khu Dân cư tại xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, quy mô 42ha theo tiến độ hợp đồng	4.996.871.235	-
Khác	1.377.243.010	14.160.307.392
	231.633.854.771	222.214.216.687

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	26.909.138	26.909.138
Thuế thu nhập doanh nghiệp	145.562.128.614	175.712.126.403
Thuế thu nhập cá nhân	5.047.587.376	505.399.772
Thuế khác	3.734.210.760	-
Tổng cộng	154.370.835.888	176.244.435.313

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí phải trả dự án The Viva City	498.838.273.608	-
Chi phí phải trả dự án Viva Square	67.350.521.844	36.039.644.837
Chi phí phải trả dự án Marina Tower	2.517.629.990	2.477.487.092
Chi phí phải trả dự án Sài Gòn Intelia	148.497.601.916	131.025.781.572
Chi phí phải trả dự án Viva Park	36.859.948.918	-
Chi phí phải trả dự án Grand World	-	57.504.513.200
Chi phí phải trả dự án Phú Lạc	1.266.312.739	1.760.894.557
Chi phí phải trả dự án Thành Đô	565.677.252	-
Trích trước chi phí khác	2.412.486.561	75.000.000
Tổng cộng	758.308.452.828	228.883.321.258
Chi phí phải trả dài hạn		
Chi phí phải trả ước tính để hoàn thành dự án Viva	-	475.868.815.767

20. PHẢI TRẢ KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Kinh phí công đoàn	433.534.717	17.218.285
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.911.680.113	2.668.673
Thu hộ, chi hộ	182.070.459.777	172.127.014.119
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.588.000.000	18.959.796.659
Phải trả bên liên quan	454.764.002.963	467.481.659.909
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.557.378.069	1.039.427.022
Tổng cộng	660.325.055.639	659.627.784.667

Trong đó phải trả khác bên liên quan bao gồm:

Thu hộ - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	55.164.002.963	67.881.659.909
Nhận đặt cọc, ký quỹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Grand World	399.600.000.000	399.600.000.000
	454.764.002.963	467.481.659.909

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Phải trả dài hạn khác		
Phải trả vốn hợp tác đầu tư	241.684.596.928	215.005.118.870
Nhận ký quỹ bảo lãnh hợp đồng dài hạn dự án Viva Square	3.850.139.440	2.599.671.958
	245.534.736.368	217.604.790.828
Trong đó phải trả khác bên liên quan bao gồm:		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	64.215.000.000	73.465.000.000
21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH		
	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	15.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả:	848.028.000	848.028.000
- Ngân hàng TMCP Sacombank	848.028.000	848.028.000
Tổng cộng	15.848.028.000	848.028.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
Ngân hàng TMCP Sacombank	2.538.935.000	2.962.949.000
	2.538.935.000	2.962.949.000
Vay dài hạn đến hạn trả	(848.028.000)	(848.028.000)
Tổng cộng	1.690.907.000	2.114.921.000
22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI		
		VND
Tại ngày 01/01/2019		20.520.780.266
Trích lập trong kỳ		40.396.448.134
Sử dụng trong kỳ		(17.478.359.460)
Tại ngày 30/06/2019		43.438.868.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ Đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	1.599.578.060.000	(33.000.000)	-	4.088.741.832	291.368.739.451	1.895.002.541.283
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.257.152.060)	(21.257.152.060)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.667.932.165	(5.667.932.165)	-
Cổ tức công ty con chia	-	-	-	-	87.301.870.000	87.301.870.000
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	287.916.480.000	-	-	-	(287.916.480.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	25.123.368.453	25.123.368.453
Giảm trong kỳ	-	(33.000.000)	-	-	-	(33.000.000)
Tại ngày 30/06/2018	1.887.494.540.000	(66.000.000)	-	9.756.673.997	88.952.413.679	1.986.137.627.676
Tại ngày 01/01/2019	1.906.144.540.000	(66.000.000)	-	9.756.673.997	683.717.951.971	2.599.553.165.968
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	12.063.075.850	(12.063.075.850)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(40.396.448.134)	(40.396.448.134)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	216.523.839.283	216.523.839.283
Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động	19.610.000.000	-	-	-	(19.610.000.000)	-
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	476.369.970.000	-	-	-	(476.369.970.000)	-
Thu hồi cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	-	-	(625.400.000)	-	625.400.000	-
Tại ngày 30/06/2019	2.402.124.510.000	(66.000.000)	(625.400.000)	21.819.749.847	352.427.697.270	2.775.680.557.117

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	240.212.451	190.614.454
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	240.212.451	190.614.454
- Cổ phiếu phổ thông	240.212.451	190.614.454
Số lượng cổ phiếu quỹ	62.540	-
- Cổ phiếu phổ thông	62.540	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	240.149.911	190.614.454
- Cổ phiếu phổ thông	240.149.911	190.614.454
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

24. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Doanh thu bán hàng bất động sản	3.946.281.895	166.567.695.132	169.149.308.737	230.011.383.991
Doanh thu cung cấp dịch vụ và môi giới bất động sản	24.300.623.707	2.565.165.062	155.748.315.119	8.762.824.597
Tổng cộng	28.246.905.602	169.132.860.194	324.897.623.856	238.774.208.588

Các khoản giảm trừ doanh thu	1.653.227.896	114.991.442.919	2.979.869.010	130.107.092.565
-------------------------------------	---------------	-----------------	---------------	-----------------

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng bất động sản	2.293.053.999	51.576.252.213	166.169.439.727	99.904.291.426
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và môi giới bất động sản	24.300.623.707	2.565.165.062	155.748.315.119	8.762.824.597
Tổng cộng	26.593.677.706	54.141.417.275	321.917.754.846	108.667.116.023

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Giá vốn của hàng hoá bất động sản đã bán	2.046.979.853	7.256.541.453	98.399.333.120	34.512.008.054
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.083.004.116	2.268.546.828	44.657.285.130	6.228.951.713
Tổng cộng	21.129.983.969	9.525.088.281	143.056.618.250	40.740.959.767

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Doanh thu hoạt động tài chính				
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cho vay	15.548.994	930.772.359	2.213.049.008	986.953.567
Tiền thu từ thanh lý khoản đầu tư dài hạn	138.302.901.550	-	138.302.901.550	-
Cổ tức được chia	23.213.520.000	87.301.870.000	23.213.520.000	87.301.870.000
Tiền lãi cho các bên liên quan vay	16.150.685	88.292.163	30.452.054	325.918.193
Tổng cộng	161.548.121.229	88.320.934.522	163.759.922.612	88.614.741.760

Trong đó tiền lãi cho các bên liên quan vay bao gồm

Công ty CP Đầu Tư XD Đại Thịnh Phát	-	-	-	68.857.535
Công ty TNHH Địa Ốc Đảo Ngọc	-	6.242.849	-	12.417.097
Công ty CP DL Giang Điền	-	74.794.520	-	148.767.123
Công ty CP Đầu tư Grand World	4.487.671	1.994.520	8.926.027	3.331.506
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Gia Lộc	11.663.014	5.260.274	21.526.027	5.260.274
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn	-	-	-	87.284.658
Tổng cộng	16.150.685	88.292.163	30.452.054	325.918.193

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí nhân viên	2.766.641.467	4.763.223.864	5.630.081.232	9.797.337.852
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	20.263.251	-	40.526.502
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	3.236.674	-	8.091.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.844.181.352	450.657.093	5.353.748.191	865.711.995
Chi phí bằng tiền khác	6.709.769.410	4.838.982.786	8.334.232.234	6.030.164.127
Tổng cộng	14.320.592.229	10.076.363.668	19.318.061.657	16.741.832.149

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí nhân viên	10.951.449.044	6.660.571.539	21.421.266.646	12.811.021.238
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	450.273.968	1.022.582.334	901.044.320	1.962.888.225
Chi phí khấu hao TSCĐ	316.750.836	265.462.090	608.933.772	529.407.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.843.176.124	3.361.555.313	10.382.013.309	6.534.411.575
Chi phí bằng tiền khác	330.034.458	401.900.643	1.205.657.466	574.468.905
Tổng cộng	17.891.684.430	11.712.071.919	34.518.915.513	22.412.197.664

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	22.885.861.649	5.214.759.023	46.239.342.284	6.601.090.780

30. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	93.091.242.022	107.024.352.698
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.654.562.101)	(5.351.217.635)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	88.436.679.921	101.673.135.063
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	213.464.144	161.856.156
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	414	628
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	414	628

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý II/2019 giảm 13% so với Quý II/2018. Biến động này chủ yếu chi phí thuế TNDN hiện hành Quý II/2019 cao hơn Quý II/2018.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	450.273.968	1.042.845.585	901.044.320	2.003.414.727
Chi phí nhân viên	13.718.090.511	11.423.795.403	27.051.347.878	22.608.359.090
Chi phí khấu hao TSCĐ	316.750.836	268.698.764	608.933.772	537.499.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.687.357.476	3.812.212.406	15.735.761.500	7.400.123.570
Chi phí bằng tiền khác	7.039.803.868	5.240.883.429	9.539.889.700	6.604.633.032
Tổng cộng	32.212.276.659	21.788.435.587	53.836.977.170	39.154.029.813

32. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát
Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Nam Sài Gòn
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand World
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Gia Lộc
Ông Nguyễn Khánh Hưng
Ông Lê Văn Hưng
Ông Lê Văn Vũ
Ông Lương Trí Thảo
Ông Nguyễn Minh Khang

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty liên kết
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND
Cung cấp dịch vụ	101.200.166	-
Nhận dịch vụ	-	82.146.364
Cho vay	50.000.000	400.000.000
Nhận góp vốn hợp tác đầu tư	9.200.000.000	-
Cổ tức được chia	23.213.520.000	-
Góp vốn	-	23.000.000.000
Lãi vay	-	1.933.000.001
Lãi cho vay	16.150.685	88.292.163

Số dư với các bên liên quan:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	111.320.183	265.555.401
Trả trước cho người bán	70.000.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	660.000.000	893.000.000
Phải thu khác	6.621.416.267	1.895.108.374
Phải trả khác	518.979.002.963	540.946.659.909
Phải trả người bán	5.550.666.665	5.550.666.665
Vay ngắn hạn	-	20.000.000.000
Vay dài hạn	-	14.800.000.000

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Quý II năm nay VND	Quý II năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.140.000.000	1.585.677.006

33. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG SAU NGÀY KẾT THÚC QUÝ

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/2019/NQ-HĐQT ngày 17/06/2019 về chủ trương thành lập các công ty cổ phần do LDG sở hữu trên 51% vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Địa ốc Bình Nguyên đã được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0315773927, đăng ký lần đầu ngày 05/07/2019 có vốn điều lệ là 260.000.000.000 đồng. Công ty đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ góp vốn.

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

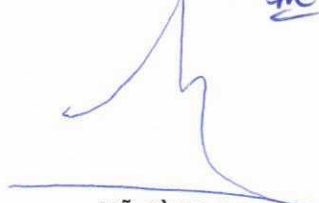
Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt và phát hành vào ngày 16 tháng 07 năm 2019.

Người lập biểu



BÙI ÁI HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ ĐÌNH BAN

Đồng Nai, ngày 16 tháng 07 năm 2019



NGUYỄN KHÁNH HƯNG